



Original Article

Methods of Resolving Environmental Disputes and Violations of in Vietnam and Recommendations

Nguyen Thi Lan*, Nguyen Ngoc Chi

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 15th December 2024

Revised 25th January 2025; Accepted 25th March 2025

Abstract: The environment is the sum of factors surrounding humans, affecting the existence and development of humans, creatures, nature and life, economy and society. Therefore, every activity of individuals and organizations in production, business, or daily life directly affects the environment and the objects affected by the environment, thereby giving rise to disputes and violations of environmental laws. So, like other countries in the world, Vietnamese law has formed a system of regulations in the environmental field, creating a legal framework for environmental protection activities and resolving disputes and violations of environmental laws. The article mentions methods of handling violations, resolving environmental disputes, and recommendations for improving environmental protection policies and laws, contributing to making the environment clean and ensuring sustainable development in the process of economic and social development so that our country becomes increasingly prosperous.

Keywords: Environmental dispute, environmental violation, methods of resolving environmental disputes, methods of resolving environmental violations.

* Corresponding author.

E-mail address: lanntkl@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4739>

Các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường ở Việt Nam và một số kiến nghị

Nguyễn Thị Lan*, Nguyễn Ngọc Chí

Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 15 tháng 12 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 01 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 3 năm 2025

Tóm tắt: Môi trường là tổng thể các yếu tố bao quanh con người, ảnh hưởng tới sự tồn tại và phát triển của con người, sinh vật, tự nhiên và đời sống, kinh tế, xã hội. Do đó, mỗi hoạt động của cá nhân, tổ chức trong sản xuất, kinh doanh hoặc sinh hoạt hằng ngày đều trực tiếp tác động tới môi trường và các đối tượng chịu sự tác động của môi trường, qua đó làm phát sinh những tranh chấp và vi phạm pháp luật về môi trường. Chính vì vậy, giống như các quốc gia trên thế giới, pháp luật Việt Nam đã hình thành hệ thống các quy định trong lĩnh vực môi trường tạo ra khuôn khổ pháp lý cho hoạt động bảo vệ môi trường và giải quyết các tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường. Bài viết đề cập đến các phương thức xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp môi trường và những kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường góp phần làm cho môi trường trong sạch, bảo đảm sự phát triển bền vững trong quá trình xây dựng kinh tế, xã hội để đất nước ta ngày càng giàu đẹp.

Từ khóa: Tranh chấp môi trường, vi phạm pháp luật về môi trường, phương thức giải quyết tranh chấp môi trường, phương thức xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

1. Hành lang pháp lý về giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường

Bảo vệ môi trường trong sạch, chống lại các hành vi xâm hại là trách nhiệm chung của cộng đồng quốc tế, của các quốc gia, tổ chức, của mọi cá nhân đòi hỏi nỗ lực và hợp tác của các chủ thể liên quan. Bảo vệ môi trường còn là xu thế phát triển của thế giới trong thời đại ngày nay do môi trường có thể tác động tới không chỉ ở khu vực mà còn ảnh hưởng tới nhiều vùng lãnh thổ, quốc gia và tới nhiều người, tới nhiều khu vực dân cư, nhiều cộng đồng. Vì vậy, ngoài việc tham gia các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường, nước ta đã hình thành hệ thống quy phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bao gồm: các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Bảo vệ môi trường và các văn

bản pháp luật khác.

Trong quá trình thực thi, áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường xuất hiện tranh chấp giữa các chủ thể và vi phạm do cá nhân, pháp nhân, tổ chức gây ra đòi hỏi sự điều chỉnh của pháp luật hình thành cơ chế trong việc bảo vệ môi trường. Điều đó tất yếu dẫn đến nhu cầu phải ban hành khung pháp lý giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường để tạo ra cơ chế giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường phù hợp với đặc điểm đất nước. Theo đó, khung pháp luật về giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường và các phương thức giải quyết vi phạm pháp luật về môi trường được thể hiện ở những văn bản pháp luật sau: Hiến pháp năm 2013; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Luật Trọng tài thương mại năm 2010;

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: lanntkl@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4739>

Luật Hòa giải tại cơ sở năm 2013; Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020; Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Các Nghị định, Thông tư và văn bản hướng dẫn thi hành các Luật và Bộ luật kể trên và văn bản pháp luật liên quan khác,... Hệ thống văn bản này là cơ sở pháp lý quan trọng giúp hình thành các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường dưới đây.

2. Các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường theo pháp luật Việt Nam hiện hành

i) *Tranh chấp về môi trường* là những mâu thuẫn phát sinh giữa cá nhân với cá nhân hoặc giữa cá nhân với tổ chức hoặc giữa tổ chức với tổ chức về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường; việc xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại về môi trường [1, khoản 1 Điều 162].

Khi có tranh chấp về môi trường sẽ xuất hiện các chủ thể tham gia và được phân chia thành 02 (hai) nhóm chủ thể chính (cơ bản): *Nhóm chủ thể gây hại* là cá nhân, cơ quan, tổ chức, pháp nhân có các hoạt động làm ô nhiễm, suy thoái môi trường, gây tác hại đến đời sống sinh hoạt, sản xuất; tác động xấu đến sức khỏe; gây thiệt hại đến tài sản của cộng đồng dân cư; *Nhóm chủ thể bị thiệt hại* là cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, pháp nhân chịu tác động, bị thiệt hại bởi các hoạt động làm ô nhiễm, suy thoái môi trường, có thể là bị thiệt hại về sức khỏe, tài sản, sản xuất kinh doanh... Các nhóm chủ thể trên có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật khi tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp.

Nội dung tranh chấp về bảo vệ môi trường bao gồm ba loại vấn đề sau: Tranh chấp về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường; Tranh chấp trong việc xác định nguyên nhân gây ô nhiễm,

suy thoái, sự cố môi trường; Tranh chấp về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại về môi trường.

ii) *Giải quyết tranh chấp về môi trường* là việc các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận, thụ lý, xác minh và đưa ra kết luận, phán quyết về tranh chấp môi trường theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục của pháp luật tùy theo loại, cách thức giải quyết tranh chấp.

Theo pháp luật hiện hành, ở nước ta có những cách thức giải quyết tranh chấp về môi trường sau: Thương lượng; Hòa giải ở cơ sở (ngoài toà án); Hoà giải theo quy định của Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Thủ tục Trọng tài; Thủ tục tố tụng tại Toà án. Các cách thức giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện và tiến hành theo quy định của pháp luật dân sự, tố tụng dân sự; pháp luật Bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan [1, khoản 2 Điều 162]; pháp luật hòa giải tại cơ sở; pháp luật về thương lượng; pháp luật về trọng tài tương ứng với từng cách thức giải quyết tranh chấp.

Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được pháp luật quy định thời hiệu, theo đó thời hiệu khởi kiện tranh chấp về môi trường là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó việc tranh chấp sẽ không được tòa án và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Luật Bảo vệ môi trường quy định thời điểm để tính thời hiệu khởi kiện về môi trường là ngày tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác [1, khoản 3 Điều 162]. Thời hiệu giải quyết tranh chấp về môi trường được áp dụng đối với từng loại tranh chấp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 [2, Điều 150] và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

iii) *Giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức thương lượng* là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại, trong đó các bên tranh chấp tiến hành trao đổi, bàn bạc, thương thảo với nhau về các nội dung tranh chấp và phương hướng, cách thức giải quyết tranh chấp trên tinh thần tự nguyện, thiện chí. Thương lượng trong giải quyết tranh chấp

môi trường có đặc điểm là thường diễn ra giữa các chủ thể đại diện do số lượng người liên quan trong mỗi vụ tranh chấp quá đông nên quá trình thương lượng không thể diễn ra trực tiếp giữa những người có liên quan.

Giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng có các đặc điểm chính sau: Tự các bên thỏa thuận để tìm kiếm giải pháp trên tinh thần tự nguyện; Không có sự hỗ trợ của người thứ ba ngoài tranh chấp; Các bên phải tự nguyện thi hành phương án thảo thuận đã lựa chọn. Từ những đặc điểm này, giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng phải có các điều kiện như: được áp dụng trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp, đồng thời, thương lượng còn áp dụng trong giai đoạn đầu của quá trình giải quyết tranh chấp bằng các phương thức khác; Áp dụng cho tranh chấp có giá trị nhỏ, ít phức tạp, các sự kiện liên quan đến tranh chấp tương đối rõ ràng; Các bên có thái độ thiện chí; Các bên hiểu rõ được vị trí, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong tranh chấp.

Khi tiến hành thương lượng các bên tuân theo trình tự, thủ tục sau: *Thứ nhất*, tiến hành thương thảo: Gặp gỡ trao đổi giữa các bên tranh chấp; Xác định yêu cầu, mục đích của các bên tham gia thương lượng thông qua việc trao đổi, bàn bạc; Phân tích lợi thế và bất lợi của từng bên tranh chấp; Dự kiến các tình huống và lên phương án thương lượng giải quyết tranh chấp; Trao đổi thông tin, đề xuất giải pháp giải quyết tranh chấp; Tổ chức đàm phán trực tiếp khi vẫn còn mâu thuẫn; Trao đổi những vấn đề khác khi thấy cần thiết; Thống nhất với nhau những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương lượng. *Thứ hai*, lập biên bản về tất cả những nội dung đã thương thảo với nhau trong cuộc gặp gỡ, trong đó lưu ý đến thỏa thuận khi đạt được phương án giải quyết; *Thứ ba*, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung đã thống nhất thỏa thuận.

iv) *Giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức hòa giải* là phương thức giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn về môi trường giữa hai hay nhiều bên tranh chấp bằng việc các bên dàn xếp, thương lượng với nhau thông qua sự trợ giúp của bên thứ ba (không phải là bên tranh chấp). Vai trò của bên thứ ba (bên hòa giải) có ý

nghĩa quan trọng trong việc trợ giúp các bên gây hại và bị thiệt hại cùng đạt được thỏa thuận để giải quyết thành công tranh chấp về môi trường [3]. Như vậy, bản chất của giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức hòa giải là có bên thứ ba (bên hòa giải) tham gia với vai trò hỗ trợ dàn xếp thương lượng để các bên tranh chấp đạt được đồng thuận trong giải quyết tranh chấp. Do vậy, khác với phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài hoặc thông qua tòa án, ở phương thức hòa giải bên hòa giải sẽ không đưa ra quyết định mà chỉ xây dựng các phương án và thuyết phục để các bên tranh chấp đồng ý và cùng thực hiện.

Hoà giải tranh chấp về môi trường được thực hiện, tiến hành trong các phương thức giải quyết tranh chấp về môi trường bằng trọng tài, bằng hòa giải ngoài Tòa án: còn gọi là hòa giải ở cơ sở và hòa giải tại Tòa án theo thủ tục tố tụng của các quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2020. Vì vậy, cần phân biệt biện pháp (hành vi tố tụng) hòa giải trong phương thức trọng tài, phương thức tòa án khi giải quyết tranh chấp về môi trường với phương thức hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải cơ sở năm 2013. Theo quy định của luật này thì phạm vi hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật trong đó có lĩnh vực môi trường. Trong lĩnh vực môi trường, hòa giải ở cơ sở có thể được tiến hành để giải quyết mâu thuẫn giữa các bên phát sinh do lối sống, việc sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc phát sinh do hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mà theo quy định của pháp luật thì những vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính,... [4, Điều 5].

Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 quy định các trường hợp không được hòa giải ở cơ sở, đó là: Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự không được hòa giải; Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc

bị xử lý vi phạm hành chính. Ngoài ra còn có các mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở theo quy định pháp luật bao gồm: hòa giải tranh chấp về thương mại được thực hiện theo quy định của Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành; và hòa giải tranh chấp về lao động được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành. Như vậy, nếu tranh chấp về môi trường thuộc một trong các trường hợp nêu trên sẽ không được lựa chọn phương thức hoà giải ở cơ sở để giải quyết.

Hòa giải ở cơ sở được tiến hành khi có một trong các căn cứ: Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải; Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải; Theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan [5, Điều 16]. Các bên có những quyền và nghĩa vụ sau khi tham gia hòa giải: Lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, địa điểm, thời gian để tiến hành hòa giải; Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải; Yêu cầu việc hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai; Được bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung giải quyết hòa giải; Trình bày đúng sự thật các tình tiết của vụ, việc; cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan; Tôn trọng hòa giải viên, quyền của các bên có liên quan; Không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa điểm hòa giải [5, Điều 17]. Hòa giải ở cơ sở tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, theo đó: Hòa giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói với sự có mặt của các bên. Trong trường hợp các bên có người khuyết tật thì có sự hỗ trợ phù hợp để có thể tham gia hòa giải; Hòa giải được tiến hành công khai hoặc không công khai theo ý kiến thống nhất của các bên. Tùy thuộc vào vụ, việc cụ thể, trên cơ sở quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân, hòa giải viên áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm giúp các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó; Trong quá trình hòa giải, nếu thấy cần thiết, hòa giải viên và một trong các bên khi được sự đồng ý của bên kia có thể mời người có uy tín trong đồng họ, ở nơi sinh

sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác tham gia hòa giải; Hòa giải viên có trách nhiệm ghi nội dung vụ, việc hòa giải vào sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. Trường hợp các bên đồng ý thì lập văn bản hòa giải thành; trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên hướng dẫn các bên đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật [5, Điều 21].

Địa điểm hòa giải là nơi xảy ra vụ, việc hoặc nơi do các bên hoặc hòa giải viên lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày được phân công, hòa giải viên bắt đầu tiến hành hòa giải, trừ trường hợp cần thiết phải hòa giải ngay khi chứng kiến vụ, việc hoặc các bên có thỏa thuận khác về thời gian hòa giải [5, Điều 20].

Có hai trường hợp phản ánh kết quả của hòa giải, đó là hòa giải thành và hòa giải không thành. Hòa giải thành là trường hợp các bên đạt được thỏa thuận, nhất trí với phương án hoà giải [5, khoản 1 Điều 24]. Các bên có trách nhiệm thực hiện thỏa thuận hòa giải thành. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, nếu một bên vì sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện được thì có trách nhiệm trao đổi, thỏa thuận với bên kia và thông báo cho hòa giải viên. Hòa giải viên có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do mình trực tiếp giải quyết; kịp thời thông báo cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Trường ban công tác Mặt trận những vấn đề phát sinh trong quá trình theo dõi, đôn đốc thực hiện. Hòa giải không thành [5, Điều 27] là trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, không nhất trí với phương án hoà giải. Trong trường hợp này, các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

v) *Giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức trọng tài* là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận và được tiến hành theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Theo đó, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động của trọng tài viên với

tư cách là bên thứ ba độc lập nhằm chấm dứt các mâu thuẫn, xung đột bằng việc đưa ra phán quyết trọng tài buộc các bên tôn trọng và thực hiện. Như vậy, giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức trọng tài được hiểu là việc các trọng tài viên tiến hành các hoạt động theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 nhằm giải quyết các xung đột, mâu thuẫn giữa các bên về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường; việc xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại về môi trường.

Chỉ những tranh chấp về môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài và đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 mới có thể được giải quyết bằng phương thức trọng tài. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp về môi trường của trọng tài bao gồm: Tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại; Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài [6, Điều 2].

Điều kiện giải quyết tranh chấp về môi trường bằng trọng tài khi các bên có thoả thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp. Luật Trọng tài thương mại quy định “Trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác, thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài là 02 năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm” [6, Điều 33].

Việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài phải tuân theo trình tự, thủ tục sau đây: Bên có yêu cầu khởi kiện nộp Đơn khởi kiện đến Trung tâm trọng tài; Bên bị khởi kiện nộp bản tự bảo vệ; Thành lập Hội đồng trọng tài; Tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp; Hội đồng trọng tài tiến hành hoà giải để các bên thoả thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp; Hội đồng trọng tài ra phán quyết trọng tài; Các bên thi hành phán quyết trọng tài.

vi) Giải quyết tranh chấp về môi trường bằng thủ tục tòa án (Thủ tục tố tụng dân sự)

Tranh chấp về môi trường có thể được giải quyết bằng thủ tục tố tụng dân sự tại toà án khi

tranh chấp đó thuộc một trong các loại sau [2, Điều 26]: *Thứ nhất*, Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong lĩnh vực môi trường là loại tranh chấp phát sinh khi có một người phải chịu những thiệt hại do các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường gây ra. *Thứ hai*, Tranh chấp về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước. Đây thường là những mâu thuẫn, bất đồng giữa các chủ thể phát sinh do có hành vi vi phạm các quy định của Luật Tài nguyên nước, chẳng hạn như: Đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn nước và các hành vi khác gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; Xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước [7, Điều 9],... *Thứ ba*, Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Đây thường là những mâu thuẫn, bất đồng giữa các chủ thể phát sinh do có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Giải quyết tranh chấp về môi trường bằng thủ tục tố tụng dân sự bao gồm những bước cơ bản sau đây: Khởi kiện tranh chấp về môi trường; Thủ lý tranh chấp về môi trường; Chuẩn bị xét xử vụ kiện về tranh chấp về môi trường; Xét xử sơ thẩm vụ kiện về tranh chấp về môi trường; Xét xử phúc thẩm vụ kiện về tranh chấp về môi trường; Giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án về tranh chấp về môi trường. Mỗi bước này được Bộ luật Tố tụng hình năm 2015 quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành; quyền, nghĩa vụ của các bên khi tham gia tố tụng,... [2].

3. Các phương thức giải quyết vi phạm pháp luật về môi trường

Vi phạm pháp luật về môi trường là trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hành vi gây thiệt hại về môi trường theo quy định

của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ thể vi phạm pháp luật về môi trường tùy theo mức độ của từng trường hợp cụ thể mà có thể bị xử phạt vi phạm hành chính (đối với các vi phạm pháp luật hành chính về môi trường) hoặc bị khởi tố để truy cứu trách nhiệm hình sự (đối với các tội phạm về môi trường).

i) Xử phạt vi phạm hành chính về môi trường

Vi phạm pháp luật hành chính về môi trường là hành vi có lỗi (có ý hoặc vô ý) do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường mà chưa đến mức độ phải xử lý hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính. Theo quy định pháp luật hiện hành, vi phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm các loại sau [8, khoản 2 Điều 2]: Các hành vi vi phạm các quy định về đăng ký môi trường, giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường; Các hành vi gây ô nhiễm môi trường; Các hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải; Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ (sau đây gọi chung là cơ sở) và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế (sau đây gọi chung là khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung), cụm công nghiệp, làng nghề; Các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, phế liệu; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động lễ hội, du lịch và khai thác khoáng sản; Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy; Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố chất thải; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-zôn; Các hành vi vi phạm về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học bao gồm: các quy định về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn và phát triển bền vững các loài

sinh vật, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền; Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện quan trắc môi trường; quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác bảo vệ môi trường; Các hành vi cản trở trong hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm quy định khác về bảo vệ môi trường.

Việc xử phạt vi phạm hành chính về môi trường dựa theo các nguyên tắc: *Thứ nhất*, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức và cá nhân phải có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật; *Thứ hai*, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, nhũng nhiễu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có thể bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây: Cảnh cáo; Phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức. Ngoài ra, cá nhân, tổ chức nêu trên còn có thể bị xử phạt bổ sung bằng các hình thức khác nhau tùy theo tính chất, mức độ vi phạm [8, khoản 2 Điều 4]. Đồng thời còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt quyết định [8, khoản 3 Điều 4].

ii) Xử lý trách nhiệm hình sự đối với cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội về môi trường

Hành vi vi phạm pháp luật về môi trường ở

mức độ nguy hiểm đáng kể sẽ bị coi là tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 và việc xử lý đối với các tội phạm theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

i) Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các tội phạm môi trường

Các tội xâm phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại đủ điều kiện chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý xâm hại trật tự quản lý bảo vệ môi trường của Nhà nước và sự phát triển bền vững của đất nước, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Các tội phạm về môi trường được quy định tại Chương XIX Bộ luật Hình sự năm 2015, gồm các điều luật (từ Điều 235 đến Điều 246) thể hiện những đặc điểm sau: *Thứ nhất*, tính nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm về môi trường thể hiện ở việc các hành vi phạm tội đã hoặc sẽ xâm hại đến sự trong sạch của môi trường, xâm hại trật tự quản lý bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của đất nước, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nhân, tổ chức. Vì vậy, những hành vi này cần được xử lý bằng biện pháp hình sự tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của nó khi được thực hiện. *Thứ hai*, các tội phạm về môi trường do cá nhân, pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý. Bộ luật Hình sự năm 2015 lần đầu tiên đã quy định ngoài cá nhân còn có pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm, chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự, xuất phát từ thực tiễn đấu tranh, xử lý tội phạm, từ yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế và dựa vào kết quả của quá trình nghiên cứu khoa học luật hình sự của các học giả Việt Nam nhiều năm qua. So với các chương tội phạm khác thì hầu hết tội phạm về môi trường quy định pháp nhân thương mại là chủ thể tội phạm, chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự về các hành vi tương ứng như quy định đối với cá nhân trong cùng điều luật về một tội phạm. *Thứ ba*, Thực hiện hành vi xâm phạm trật tự quản lý bảo vệ môi trường cá nhân, pháp nhân thương mại đã vi phạm quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị áp dụng các hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ của tội phạm. Nói cách

khác, các tội xâm phạm về môi trường là hành vi trái với quy định của Luật Hình sự và phải chịu hình phạt - Chế tài đặc thù của Luật Hình sự chỉ áp dụng đối với người phạm tội.

Những hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường được Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định là tội phạm trong chương XIX, bao gồm: Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235); Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236); Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237); Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238); Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239); Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người (Điều 240); Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 241); Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242); Tội hủy hoại rừng (Điều 243); Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244); Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245); Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 246).

Hình phạt được quy định áp dụng đối với các nhân, pháp nhân phạm tội về môi trường gồm hai loại: Hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Hình phạt chính được quy định áp dụng đối với người phạm các tội về môi trường bao gồm: Phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn và đối với pháp nhân thương mại phạm tội về môi trường bao gồm: phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài hình phạt chính, Bộ luật Hình sự năm 2015 còn quy định các loại hình phạt bổ sung áp dụng cho người phạm tội, các tội phạm về môi trường: Phạt tiền; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; cấm làm một số nghề hoặc công việc trong một thời gian nhất định và đối với pháp nhân thương mại, bao gồm: Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; Cấm huy động vốn; Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

ii) Thủ tục giải quyết vụ án hình sự đối với tội phạm về môi trường

Cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội về môi trường sẽ bị xử lý theo thủ tục tư pháp của tố tụng hình sự. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, thủ tục tố tụng hình sự giải quyết vụ án tội phạm về môi trường được tiến hành theo các giai đoạn sau: Khởi tố vụ án; Điều tra vụ án; Truy tố tội phạm, người, pháp nhân thương mại có hành vi phạm tội về môi trường trước tòa án; Xét xử sơ thẩm; Xét xử phúc thẩm; Thi hành bản án, quyết định của tòa án [9].

Hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường sẽ bị khởi tố hình sự khi có dấu hiệu tội phạm chứa đựng ở một trong các căn cứ sau: Tô giác của cá nhân; Tin báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Tin báo trên phương tiện thông tin đại chúng; Kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước; Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm; Người phạm tội tự thú [9, Điều 143]. Khi tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm xác minh, làm rõ sự việc để khẳng định có hay không có dấu hiệu tội phạm về môi trường. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ được ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội phạm môi trường khi có dấu hiệu tội phạm. Trường hợp không có dấu hiệu tội phạm Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Bất kỳ công dân nào cũng có quyền tố giác hoặc báo tin về tội phạm môi trường. Khi tố giác hoặc gửi tin báo về tội phạm người dân có thể trình bày bằng lời nói hoặc văn bản, tuy nhiên cần lưu ý việc tố giác, báo tin về tội phạm cần phải đúng sự thật, nếu ai đó tùy tiện tố giác hoặc báo tin không đúng sự thật sẽ bị xử lý theo pháp luật [9, Điều 144].

Các cơ quan, tổ chức sau đây có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm: Cơ quan điều tra; Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Viện kiểm sát các cấp; Các cơ quan, tổ chức khác như: Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an, Trạm Công an; Tòa án các cấp; Cơ quan báo chí và các cơ quan, tổ chức khác [10, khoản 1 Điều 5].

Thủ tục tố tụng trong việc giải quyết vụ án hình sự về tội phạm về môi trường được dựa trên các nguyên tắc cơ bản quy định tại Chương II Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nhằm bảo đảm để mọi tội phạm đều được phát hiện nhanh chóng, xử lý kịp thời công minh theo đúng pháp luật, bảo đảm quyền con người, bảo vệ công lý. Các nguyên tắc: suy đoán vô tội; bảo đảm quyền bào chữa; bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; tranh tụng trong xét xử được bảo đảm; Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật... không những chỉ bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của pháp nhân mà còn là tiền đề, điều kiện cho việc giải quyết vụ án khách quan, không thiên vị, bảo đảm để công lý được thực thi.

4. Nhận xét và những kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường

4.1. Nhận xét đánh giá về các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật môi trường

Sau quá trình nghiên cứu về thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật môi trường, nhóm tác giả có một số nhận xét, đánh giá sau:

i) Quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong việc bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường thúc đẩy phát triển bền vững là định hướng chiến lược trong quá trình hội nhập xây dựng đất nước của kỳ nguyên mới thể hiện quyết tâm chính trị đối với việc bảo vệ môi trường của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Các nghị quyết của Đảng Cộng sản xác định bảo vệ môi trường là nhiệm vụ có tính xã hội sâu sắc, gắn liền với cuộc đấu tranh xóa đói giảm nghèo ở mỗi quốc gia và cuộc đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ của xã hội trên phạm vi toàn thế giới, và ngay từ rất sớm đã “coi công tác bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; là nội dung cơ bản không thể tách rời đường lối chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp các ngành; là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực

hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [11]. Quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường để con người được sống trong môi trường trong lành đã được thể hiện tại Điều 43 của Hiến pháp năm 2013: “Mọi người đều có quyền sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”.

Khi đánh giá công tác bảo vệ môi trường, bên cạnh những thành tựu đạt được, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII thẳng thắn thừa nhận: Quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu nhiều mặt còn hạn chế; pháp luật, chính sách thiếu đồng bộ; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa nghiêm,... Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa cao. Nhiều hệ sinh thái tự nhiên, nhất là hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, thảm thực vật biển giảm cả về diện tích và chất lượng. Công tác bảo vệ rừng còn bất cập, tình trạng chặt phá và cháy rừng còn xảy ra. Nhiều loài sinh vật, nguồn gen quý đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao. Việc khắc phục hậu quả về ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại còn nhiều khó khăn,... Sử dụng năng lượng tái tạo (điện sinh khối, điện gió, điện mặt trời,...) còn ít. Đây là hạn chế, yếu kém cần nhanh chóng khắc phục. Vì vậy, Nghị quyết đã khẳng định bảo vệ môi trường là cần thiết và cấp bách, đòi hỏi cần xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để cải thiện tình trạng này; có chế tài xử phạt mạnh để răn đe các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Đây là vấn đề đòi hỏi sự chung tay của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đảng ta chỉ rõ, cần tập trung: Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và xử lý môi trường; Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Khắc phục có hiệu quả ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại. Quy hoạch và xây dựng các công trình xử lý rác thải tập trung theo vùng, cụm xã. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị có mật độ dân cư cao. Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải và công nghệ theo lộ trình phù hợp. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng; bảo tồn thiên

hiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường.

Quyết tâm chính trị của Đảng trong việc bảo vệ môi trường đã được thể hiện trong việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược phát triển và bảo vệ môi trường, trách nhiệm quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó cũng đòi hỏi ban hành hệ thống pháp luật và cơ chế bảo vệ môi trường, các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường, tạo ra khung pháp lý cho hoạt động bảo vệ môi trường.

ii) Hình thành hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường

Hệ thống pháp luật về môi trường đã được hình thành tạo ra khuôn khổ pháp lý bảo vệ môi trường, làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức và mọi cá nhân trong xã hội thực hiện các quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Xuất phát từ các định hướng lớn trong việc bảo vệ môi trường được thể hiện trong các nghị quyết chúng ta đã nội luật hóa các công ước quốc tế về môi trường vào các văn bản pháp luật thể hiện xu thế hội nhập quốc tế của đất nước ta. Trên cơ sở hiến pháp, nhà nước ta đã ba lần ban hành Luật Bảo vệ môi trường vào năm 2005, năm 2014 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cùng với một số Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như Nghị định 179/2013/NĐ-CP về quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Nghị định 18/2015/NĐ-CP về quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, Nghị định 155/2016/NĐ-CP về quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Ngoài ra, các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác của nhà nước.

Hệ thống văn bản pháp luật này tương đối đầy đủ trong hoạt động bảo vệ môi trường trên các lĩnh vực, đã hài hòa được mối quan hệ giữa bảo

vệ môi trường với phát triển bền vững, phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta. Tuy nhiên, bên cạnh đó đã bộc lộ những hạn chế cần hoàn thiện, đó là:

- Quan điểm, chính sách bảo vệ môi trường của Đảng và Nhà nước chưa được lồng ghép trong quá trình xây dựng các chính sách, pháp luật, do đó khi được ban hành chưa phát huy tối đa hiệu quả trong việc bảo vệ môi trường.

- Pháp luật về môi trường chưa thật sự chi tiết, cụ thể, do đó ít nhiều xảy ra việc khó áp dụng trong thực tế bảo vệ môi trường, nhất là trong việc xác định thiệt hại và bồi thường thiệt hại do hành vi xâm hại môi trường gây ra. “Thực tế việc chủ thể bị thiệt hại khi thực hiện quyền yêu cầu bồi thường của mình còn gặp rất nhiều khó khăn. Bởi lẽ, môi trường bị ô nhiễm có thể gây ra thiệt hại đến rất nhiều chủ thể ở những địa phương khác nhau, nhưng không phải lúc nào các chủ thể bị thiệt hại cũng sẽ đưa ra đơn khởi kiện cùng thời điểm. Do đó, Tòa án sẽ mất rất nhiều thời gian để xem xét toàn bộ các đơn khởi kiện, trong khi nội dung đơn khởi kiện khó thống nhất với nhau, gây khó khăn khi xác định nội dung vụ án. Các vụ án môi trường đòi hỏi chi phí lớn, mang tính chuyên môn cao nên cá nhân ít có động lực đề khởi kiện, không chủ động trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình” [12].

- Việc tổ chức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực môi trường còn nhiều hạn chế, hiệu quả thấp, chưa có các biện pháp phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn cụ thể trong việc bảo vệ môi trường [13].

iii) Về các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường

Các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường khá đầy đủ bảo đảm phân định, quyết định, phán quyết khách quan, công bằng đối với các tranh chấp về môi trường và xử lý nghiêm minh đối với các vi phạm pháp luật về môi trường. Trong quá trình thực hiện dự án, các tác giả có những nhận xét sau:

Đối với các phương thức giải quyết tranh chấp về môi trường

Các phương thức giải quyết tranh chấp: thương lượng, hòa giải, trọng tài và thủ tục tòa

án đã thể hiện sự đa dạng, phong phú tạo điều kiện để các chủ thể liên quan đến tranh chấp có nhiều khả năng lựa chọn phù hợp trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, khi lựa chọn các chủ thể tranh chấp cần nắm vững các ưu điểm và hạn chế của mỗi phương thức. Cụ thể như sau:

- Phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng: phương thức này thể hiện quyền tự do thỏa thuận và định đoạt của các bên nên đơn giản, không bị ràng buộc bởi các thủ tục pháp lý phức tạp, tiết kiệm thời gian và chi phí. Ở phương thức này các bên tranh chấp không phải tiết lộ sớm các lập luận pháp lý và có khả năng kiểm soát các lập luận, chứng cứ của mình liên quan đến tranh chấp do họ không buộc phải cung cấp chứng cứ hoặc chứng minh cho lập luận của mình mà chỉ có hai bên tự dàn xếp, thỏa thuận nhằm tìm ra giải pháp giải quyết tranh chấp đáp ứng được lợi ích của các bên. Trong nhiều trường hợp, phương thức thương lượng là “cứu cánh” cho bên bị vi phạm khi thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tuy nhiên, do thương lượng đòi hỏi các bên phải thiện chí, trung thực, hợp tác nên khi một bên không thiện chí có thể lợi dụng phương thức thương lượng để kéo dài, trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ làm mất đi ưu điểm của phương thức thương lượng. Đây là hạn chế cần lưu ý khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp này.

- Giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức hòa giải. Phương thức này có các ưu điểm: Thủ tục hòa giải được tiến hành nhanh gọn không gò bó và tiết kiệm được thời gian và chi phí có thể giảm bớt những trở ngại do thủ tục hành chính hơn phương thức giải quyết thông qua tố tụng tại tòa án; Hòa giải có tính linh hoạt về thủ tục, các bên có quyền tự định đoạt, lựa chọn bất kỳ người nào làm trung gian hòa giải cũng như địa điểm tiến hành hòa giải do đó có thể tìm một trung gian hòa giải có hiểu biết chuyên môn về vấn đề đang tranh chấp; Hòa giải mang tính thân thiện, giảm căng thẳng giữa các bên tranh chấp; các bên tranh chấp đối thoại trong quá trình hòa giải một cách thoải mái như giao tiếp hằng ngày mà không gò bó hay mang tính nghi thức so với thủ tục tố tụng. Có thể giữ

được bí mật kinh doanh và vấn đề tranh chấp.

Bên cạnh ưu điểm nêu trên, phương thức này cũng có một số hạn chế sau: Hình thức giải quyết khép kín, không công khai có thể nảy sinh những tiêu cực, trái pháp luật; Việc hòa giải có được tiến hành hay không phụ thuộc vào sự nhất trí của các bên, hòa giải viên không có quyền đưa ra một quyết định ràng buộc hay áp đặt bất cứ vấn đề gì đối với các bên tranh chấp. Thỏa thuận hòa giải không có tính bắt buộc thi hành như phán quyết của trọng tài hay của tòa án; Xuất phát từ bản chất của thủ tục là cần thỏa thuận, phối hợp, thiện chí hợp tác giữa các bên trong suốt toàn bộ quá trình từ khi bắt đầu sự việc cho đến khi thi hành xong nên một bên không thiện chí sẽ gây khó khăn cho quá trình hòa giải và thực hiện các thỏa thuận được đã đạt được; Không có một cơ quan chính thức đảm nhiệm suốt mọi giai đoạn của thủ tục hòa giải; Hầu hết các cán bộ hòa giải chưa được đào tạo, tập huấn về kỹ năng hòa giải nói chung, hòa giải môi trường nói riêng; chưa có sự phân định rõ ràng trách nhiệm của tổ chức và các thành viên trong Tổ hòa giải cấp xã; Việc thu thập thông tin, chứng cứ, xác minh vấn đề, cũng như đánh giá thiệt hại và xây dựng giải pháp hòa giải không đơn giản, chưa có hướng dẫn chi tiết việc đánh giá thiệt hại của người dân; văn bản hòa giải thiếu tính pháp lý.

- Giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức trọng tài

Các ưu điểm của giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức trọng tài được thể hiện ở các khía cạnh sau: *Thứ nhất*, Trọng tài chỉ có một cấp xét xử, quyết định của trọng tài là chung thẩm, quyết định này có giá trị bắt buộc thi hành đối với các bên; các bên không thể kháng cáo hay kháng nghị, do đó, thủ tục này đơn giản, đỡ tốn kém thời gian kinh phí cho các bên. *Thứ hai*, giải quyết tranh chấp về bảo vệ môi trường bằng phương thức trọng tài dựa trên nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận của các bên mà không phụ thuộc vào quyền lực nhà nước, do đó các bên có thể tự do lựa chọn Trọng tài viên có kinh nghiệm thực tế về vấn đề tranh chấp, đảm bảo chất lượng giải quyết tranh chấp. Đồng thời, các bên có thể chủ động về thời gian, địa điểm giải quyết tranh

chấp để đẩy nhanh thời gian giải quyết tranh chấp. *Thứ ba*, quá trình giải quyết tranh chấp về môi trường bằng phương thức trọng tài sẽ được tiến hành xét xử kín, nhằm đảm bảo thông tin của các bên, không phải xét xử công khai. Việc xét xử bằng trọng tài đảm bảo được bí mật cao; tránh cho các bên nguy cơ làm tổn thương các mối quan hệ khác. *Thứ tư*, hoạt động trọng tài xét xử liên tục do đó tiết kiệm thời gian; chi phí, tiền bạc cho doanh nghiệp; giải quyết bằng trọng tài thể hiện tính năng động, linh hoạt, mềm dẻo. trọng tài viên là bên thứ ba độc lập, khách quan nên các bên không phải lo sợ rằng các trọng tài viên sẽ ưu ái một bên hơn và mình sẽ gặp bất lợi khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Với các ưu điểm này phương thức giải quyết tranh chấp về môi trường bằng trọng tài, thường được các bên tranh chấp lựa chọn. Tuy nhiên, nó cũng có những hạn chế nhất định, đó là: *Thứ nhất*, trọng tài chỉ là tổ chức phi chính phủ nên không có quyền lực nhà nước, dẫn tới việc khi cần áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, trọng tài không thể tự mình ra quyết định áp dụng các biện pháp này được. *Thứ hai*, phán quyết trọng tài mang giá trị chung thẩm, các bên tranh chấp không thể yêu cầu trọng tài xét xử lại lần nữa, dẫn tới hệ quả là nếu trọng tài ra quyết định không chính xác sẽ gây ra hệ quả xấu, lâu dài. *Thứ ba*, trọng tài chỉ trở thành phương thức giải quyết tranh chấp khi được các bên lựa chọn. Còn nếu không bên không thỏa thuận sẽ giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, thì trọng tài sẽ không có thẩm quyền đương nhiên để giải quyết vụ việc. *Thứ tư*, do chú trọng vào yếu tố hợp tác và tự hòa giải của các bên nên kết quả của cuộc giải quyết phụ thuộc vào thái độ và thiện chí của các bên tranh chấp. Nếu các bên quá cứng nhắc thì rất khó để làm việc và dẫn đến đưa ra Tòa để giải quyết. Tương tự như vậy trong việc thực thi phán quyết trọng tài phụ thuộc vào thiện chí và sự hợp tác của các bên. *Thứ năm*, Trọng tài có thể gặp khó khăn trong quá trình giải quyết tranh chấp; đặc biệt là những tranh chấp phức tạp; về những vấn đề như: xác minh, thu thập chứng cứ, triệu tập nhân chứng,... Do trọng tài không có bộ máy giúp việc và có cơ quan thi hành; cưỡng chế như Tòa án nên có rất nhiều trường hợp Trọng tài khó

lấy được thông tin cá nhân nếu như bên đó không hợp tác. Thứ sáu, phán quyết của Trọng tài có thể bị yêu cầu tòa án xem xét lại. Phán quyết trọng tài có thể bị hủy khi có đơn yêu cầu của một bên.

- Phương thức giải quyết tranh chấp về môi trường bằng thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án: Phương thức này do các cơ quan tư pháp nhân danh quyền lực nhà nước tiến hành giải quyết vụ án dân sự theo trình tự, thủ tục chặt chẽ mà pháp luật quy định. Bản án hay quyết định của Tòa án khi đã có hiệu lực pháp luật buộc các bên chủ thể phải nghiêm chỉnh tuân thủ, thi hành. Nếu các chủ thể không tự nguyện tuân thủ, thi hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành án. Đây là ưu điểm nổi trội so với các phương thức giải quyết tranh chấp về môi trường bằng các phương thức khác. Mặt khác, việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự có thể qua nhiều các cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (khi có kháng cáo của các bên đương sự hoặc kháng nghị của Viện Kiểm sát), hoặc theo thủ tục tố tụng đặc biệt (giám đốc thẩm, tái thẩm) đó đó, bảo đảm được chính xác, công bằng, khách quan và đúng với pháp luật.

Bên cạnh ưu điểm này phương thức giải quyết tranh chấp môi trường bằng Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự cũng có những hạn chế sau: Thứ nhất, phương thức này đòi hỏi quy trình tố tụng phức tạp, nhiều cấp xét xử đòi hỏi sự tốn kém về mặt thời gian, công sức, tiền bạc của các bên tranh chấp. Thứ hai, phương thức giải quyết tranh chấp bằng Tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự sẽ được tiến hành công khai nên không có tính bảo mật thông tin cho các bên. Ngoài ra, do tâm lý thắng thua nên quan hệ giữa các bên có thể rơi vào tình trạng căng thẳng.

Đối với các phương thức giải quyết vi phạm pháp luật về môi trường

Khác với các phương thức giải quyết tranh chấp về môi trường, các phương thức giải quyết vi phạm pháp luật về môi trường không cho phép cá nhân, tổ chức, pháp nhân vi phạm được quyền lựa chọn hoặc thỏa thuận mà họ buộc phải chấp hành các chế tài theo quy định của pháp luật tương ứng với tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại mà họ đã gây ra. Do đó, quyết định xử phạt

của các cơ quan có thẩm quyền, các phán quyết của tòa án đối với vi phạm và tội phạm có tính cưỡng chế cao và rất nghiêm khắc. Khi quyết định xử phạt vi phạm của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án của tòa có hiệu lực pháp luật, vấn đề bồi thường, khắc phục thiệt hại cho môi trường được thực hiện triệt để.

Vấn đề đặt ra đối với các phương thức giải quyết vi phạm pháp luật về môi trường là việc xác định đầy đủ, chính xác hành vi và hậu quả, thiệt hại do hành vi xâm hại môi trường gây ra. Đây là những nội dung quan trọng do ảnh hưởng, tác động gây hại cho môi trường của hành vi vi phạm, hành vi phạm tội có tính chất lâu dài không thể xảy ra một sớm, một chiều. Do đó, hoạt động chứng minh thiệt hại do hành vi vi phạm, hành vi phạm tội gặp nhiều khó khăn do các yếu tố khách quan chủ quan gây ra.

Khi giải quyết vụ án hình sự đối với các tội phạm về môi trường trải qua nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau, đòi hỏi phải được tiến hành cẩn trọng, tỉ mỉ với các thủ tục chặt chẽ nên đòi hỏi cần có đủ thời gian tiến hành thủ tục tố tụng hình sự. Chính vì vậy một trong những hạn chế nữa của phương thức giải quyết tranh chấp về môi trường bằng thủ tục tố tụng hình sự tại Tòa án đó là sự kéo dài về mặt thời gian.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự đối với các tội phạm về môi trường đòi hỏi các cơ quan, người tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ quyền con người nên các quyền con người, đặc biệt là quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong đó có quyền bào chữa cần được bảo đảm thực hiện đầy đủ khi tiến hành tố tụng.

Việc giải quyết vụ án hình sự đối với các tội phạm về môi trường hướng tới làm rõ sự thật của vụ án, do đó bảo đảm sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bị buộc là điều kiện cần thiết, đặc biệt là việc tranh tụng trong xét xử phải được bảo đảm.

4.2. Một số kiến nghị

Từ những nhận xét trên, một số kiến nghị sau đây được đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường:

i) Hoàn thiện pháp luật về môi trường theo hướng toàn diện, đầy đủ, chi tiết phù hợp với điều kiện Việt Nam bảo đảm hiệu quả, hiệu năng trong quá trình thi hành

Hệ thống pháp luật về môi trường hiện hành tuy đã đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường nhưng trước sự phát triển kinh tế, xã hội và cam kết quốc tế của Việt Nam về môi trường đến năm 2050 chúng ta cần bổ sung các quy định pháp luật để đáp ứng yêu cầu này trong quá trình phát triển đất. Cụ thể như sau:

Một là, pháp luật về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm về môi trường và thời hiệu khởi kiện đối với những vụ việc liên quan đến tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường hiện đang còn chưa thuận lợi cho các nạn nhân chịu tác động tiêu cực do ô nhiễm môi trường. Theo đó, pháp luật hình sự quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự lâu nhất là 15 năm đối với loại tội rất nghiêm trọng [14, Điều 27] (các tội phạm về môi trường trong Bộ luật hình sự năm 2015 không có tội phạm nào được phân loại là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng [15]) kể từ khi chủ thể thực hiện hành vi phạm tội; các thời hiệu khởi kiện (về hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài) được quy định trong khoảng từ 2-3 năm kể từ thời điểm người bị thiệt hại biết (hoặc buộc phải biết) việc quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm [16]. Tuy nhiên, thiệt hại từ những hành vi vi phạm pháp luật về môi trường thường không dễ dàng xác định hoặc chưa thể được xác định một cách đúng đắn trong một vài năm, thậm chí hậu quả có thể kéo dài hàng chục năm. Do đó, nhóm tác giả khuyến nghị việc các quy định về thời hiệu nên chăng được sửa đổi theo hướng tính thời hạn kể từ khi xác định được thiệt hại tại thời điểm mà bên chịu thiệt hại đồng ý.

Hai là, theo quy định của Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ hai "Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm" của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với trường

hợp cần phải khởi kiện để bảo vệ lợi ích công cộng, bảo vệ lợi ích của nhà nước trong lĩnh vực môi trường thì việc khởi kiện cần thực hiện thông qua cơ quan, tổ chức có những nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Chẳng hạn, cơ quan tài nguyên và môi trường có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án buộc cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi gây ô nhiễm môi trường phải bồi thường thiệt hại, khắc phục sự cố gây ô nhiễm môi trường công cộng [19, điểm b khoản 1 Điều 3]. Như vậy, cộng đồng dân cư chịu tác động xấu do ô nhiễm môi trường muốn khởi kiện vụ án dân sự thì cần thông qua cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường mới có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ cho lợi ích công cộng này. Những hậu quả xấu do ô nhiễm môi trường mà cộng đồng dân cư phải gánh chịu được quy định là "lợi ích công cộng" hoặc "lợi ích của nhà nước" nên việc khởi kiện lại do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện. Những quy định này có thể làm gia tăng gánh nặng về thủ tục trong quá trình giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường, có thể ảnh hưởng tới hiệu quả trong việc giải quyết bồi thường thiệt hại cho người dân. Mặt khác những quy định này đã được ban hành từ năm 2012 đã quá cũ so với với Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do đó, Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP có lẽ cũng đến lúc cần được xem xét sửa đổi, bổ sung theo hướng thuận tiện hơn về mặt thủ tục để người dân thực hiện quyền được sống trong môi trường trong lành, đồng thời bảo đảm tính phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành.

Bên cạnh đó, pháp luật cũng cần phải hoàn thiện theo hướng chi tiết hóa, cụ thể bảo đảm dễ hiểu, dễ thi hành, nhất là các quy định về thiệt hại và bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về môi trường gây ra là cơ sở cho việc giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường.

ii) Nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân dân

Công tác giáo dục, phổ biến, tuyên truyền pháp luật, các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường cho người dân,

doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến nhận thức của họ còn nhiều hạn chế, khá mơ hồ, không đầy đủ, không chính xác. Khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý đã cho thấy, trước khi được phổ biến, giáo dục và tư vấn pháp luật nhận thức của người dân, doanh nghiệp ở mức độ rất thấp và trình độ nhận thức, hiểu biết của họ được nâng cao khi tham gia hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý. Trích báo cáo: “100% người dân đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý cho rằng họ đã nhớ được kiến thức khái quát về các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường; 100% người dân đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ đã nhận biết được các phương thức giải quyết tranh chấp môi trường và nắm bắt được ưu điểm, nhược điểm của từng phương thức giải quyết tranh chấp; 100% người dân đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ đã biết cách tìm hiểu để có liên hệ với người có thể hỗ trợ giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường”. Trên cơ sở này, người dân cũng đề đạt nguyện vọng được thường xuyên phổ biến pháp luật, cơ chế giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường. “100% người dân đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng Nội dung của buổi phổ biến và tư vấn pháp luật này có hữu ích, đồng thời mong muốn các hoạt động tuyên truyền, tư vấn pháp luật miễn phí như này cần được nhân rộng để hỗ trợ người dân hiểu biết hơn về pháp luật”¹.

Như vậy, thực tế cho thấy việc bảo vệ môi trường cũng như giải quyết tranh chấp vi phạm pháp luật về môi trường còn hạn chế xuất phát từ việc cán bộ, người dân hiểu biết pháp luật bảo vệ môi trường chưa đầy đủ, sâu sắc. Vì vậy cần có các biện pháp phù hợp để họ tìm hiểu, nắm bắt, cập nhật thường xuyên pháp luật, các phương thức giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường.

iii) Tăng cường các thiết chế hỗ trợ để người dân thực hiện các quyền của mình khi tham gia giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường

Các thiết chế hỗ trợ giải quyết tranh chấp, vi

phạm pháp luật về môi trường cho người dân, doanh nghiệp chưa được cung cấp, tạo điều kiện để họ có thể tiếp cận khi có tranh chấp vi phạm xảy ra. Thực tế cho thấy, trên địa bàn của Nhiệm vụ do Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý thực hiện chưa thấy hoạt động của chính quyền, của các tổ chức luật sư, luật gia hay của các tổ chức xã hội tham gia công tác này. Do đó, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân nhất là những người yếu thế chưa được bảo vệ khi có tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường xảy ra. Do đó, chính quyền, tổ chức ở địa phương cần quan tâm hơn nữa đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ giải quyết tranh chấp, vi phạm pháp luật về môi trường cho người dân trên địa bàn của mình.

Lời cảm ơn

Bài viết được thực hiện dựa trên kết quả nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội trong phạm vi thỏa thuận với UNDP Việt Nam để triển khai dịch vụ “Improving the legal practice capacity and social responsibility for law students through the Clinic Legal Education (CLE) programme with legal consulting activities on access to justice and legal remedies for vulnerable individuals and groups affected by environmental law violations” (“Nâng cao năng lực thực hành pháp luật và trách nhiệm xã hội cho sinh viên luật thông qua chương trình giảng dạy pháp luật thực hành (CLE) với các hoạt động tư vấn pháp luật về các biện pháp pháp lý cho các cá nhân và nhóm dễ bị tổn thương bị ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm pháp luật môi trường”).

Tài liệu tham khảo

- [1] United Nations Rules for the Protection of Juveniles Deprived of Their Liberty 1990, <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/united-nations-rules->

¹ Báo cáo kết quả khảo sát của Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ pháp lý sau 04 chuyên tư vấn pháp lý lưu

động với chủ đề pháp luật về bảo vệ môi trường qua mô hình CLE (lưu hành nội bộ).

- protection-juveniles-deprived-their-liberty, (accessed on: November 9th, 2023).
- [2] United Nations Standard Minimum Rules for the Administration of Juvenile Justice 1985, <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/united-nations-standard-minimum-rules-administration-juvenile>, (accessed on: November 9th, 2023).
- [3] Universal Declaration of Human Rights 1948, <https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights>, (accessed on: November 9th, 2023).
- [4] International Covenant on Civil and Political Rights 1966, <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/international-covenant-civil-and-political-rights>, (accessed on: January 12th, 2024).
- [5] European Convention on Human Rights 1950, <https://www.echr.coe.int/european-convention-on-human-rights>, (accessed on: January 12th, 2024).
- [6] American Convention on Human Rights 1969, <https://humanrightscorrelations.ca/wp-content/uploads/2015/11/American-Convention-on-Human-Rights.pdf>, (accessed on: January 12th, 2024).
- [7] UNHRC, General Comment No. 13: Article 14 (Administration of Justice), Twenty First Session (1984), https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=8&DocTypeID=11, (accessed on: January 12th, 2024).
- [8] UNHRC, General Comment No. 32, Article 14: Right to Equality Before Courts and Tribunals and to a Fair Trial, Ninetieth Session, Geneva, 9 to 27 July 2007, https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=8&DocTypeID=11, (accessed on: January 12th, 2024).
- [9] Convention on the Rights of the Child 1989, <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/convention-rights-child>, (accessed on: January 12th, 2024).
- [10] United Nations Guidelines for the Prevention of Juvenile Delinquency (The Riyadh Guidelines) 1990, <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/united-nations-guidelines-prevention-juvenile-delinquency-riyadh>, (accessed on: November 9th, 2023).
- [11] United Nations Standard Minimum Rules for the Administration of Juvenile Justice, The Beijing Rules, 1985, <https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/ProfessionalInterest/beijingrules.pdf>, (accessed on: November 9th, 2023).
- [12] United Nations Rules for the Protection of Juveniles Deprived of Their Liberty 1990, <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/united-nations-rules-protection-juveniles-deprived-their-liberty>, (accessed on: November 9th, 2023).
- [13] Đ. V. Cường, Tội phạm là người chưa thành niên và các giải pháp hạn chế, Tạp chí Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/toi-pham-la-nguoi-chua-thanh-nien-va-cac-giai-phap-han-che1664379544.html>, (accessed on: November 9th, 2023).
- [14] T. T. Yên, Trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội trong luật hình sự Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019.
- [15] Vụ Pháp luật Hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp, Báo cáo đánh giá luật pháp và thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý chuyên hướng, tư pháp phục hồi đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2012.
- [16] Đ. M. Lượng, Quyền bảo chữa của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi, bắt cấp, hạn chế và kiến nghị hoàn thiện, Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/quyen-bao-chua-cua-nguoi-bi-buoc-toi-la-nguoi-duoi-18-tuoi-bat-cap-han-che-va-kien-nghi-hoan-thien>, (accessed on: November 9th, 2023).
- [17] N. V. Lượng, Người đại diện của người dưới 18 tuổi bị buộc tội trong tố tụng hình sự, Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/nguoi-dai-dien-cua-nguoi-duoi-18-tuoi-bi-buoc-toi-trong-to-tung-hinh-su>, (accessed on: November 9th, 2023).
- [18] H. T. H. Trang, Một số hạn chế trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi, Tạp chí Công Thương, Số 21, 10/2023.
- [19] N. T. Tùng, Những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn xét xử đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi”, Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam, <https://lsvn.vn/nhung-vuong-mac-kho-khan-trong-thuc-tien-xet-xu-doi-voi-bi-cao-la-nguoi-duoi-18-tuoi.html>, (accessed on: January 12th, 2024).
- [20] N. H. Bình, Xây dựng Tòa án điện tử - một nhiệm vụ quan trọng của chiến lược cải cách tư pháp, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/xay-dung-toa-an-dien-tu-mot-nhiem-vu-quan-trong-cua-chien-luoc-cai-cach-tu-phap5767.html>, (accessed on: January 12th, 2024).